

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 419/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v : Tranh chấp Hợp đồng vay tài
sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Hoàng Minh Đang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuyên – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, T phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2018/TLST-DS, ngày 14 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2020/QĐXXST-DS ngày 28/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Diệu D; Sinh năm: 1972;

Nơi cư trú: Số 575/71 đường E, Phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T; Sinh năm: 1962;

Nơi cư trú: Số 1107/176 đường A, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Hà Thị C; Sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Số 575/71 đường E, Phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bà Hồng Ngọc Kim H; Sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Số 1107/176 đường A, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2018 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn ông Trương Diệu D trình bày:

Qua giới thiệu ông D biết vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồng Ngọc Kim H có nhu cầu vay tiền. Vì vậy, ông D có thỏa thuận với ông T, bà H để cho ông T, bà H vay 170.000.000 đồng. Việc vay tiền được lập T Hợp đồng vay tiền vào ngày 10/3/2016 có công chứng tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng có số công chứng 04133, quyền số 3 TP/CC-SCC-HĐGD) với thỏa thuận, thời gian vay là 24 tháng từ ngày 10/3/2016 đến ngày 10/3/2018, vay không lãi suất. Ông D đã giao cho ông T, bà H đủ số tiền 170.000.000 đồng.

Để làm tin, ông T, bà H có làm hợp đồng cố nhà giấy tay căn nhà số 1107/174 đường A, Phường B, Quận 8 cho ông D với thời hạn bằng thời hạn hợp đồng vay tiền. Sau đó, ông T, bà H lại đề nghị ông D cho thuê lại căn nhà trên với giá 4.000.000 đồng/tháng, thời gian thuê trùng với thời gian cho vay tiền và cố nhà.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà H đã thanh toán được cho ông D 14 tháng tiền nhà. Từ ngày 10/6/2017 đến nay ông T, bà H không thanh toán tiền thuê nhà.

Đến ngày 10/3/2018 hết thời hạn vay như đã thỏa thuận, ông D nhiều lần liên hệ ông T, bà H để yêu cầu hoàn trả lại cho ông D số tiền đã vay là 170.000.000 đồng nhưng ông T, bà H hứa hẹn nhiều lần và tìm cách né tránh không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, ông D khởi kiện ông T, bà H để yêu cầu:

- Ông T, bà H có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền nợ gốc đã vay cho ông D là 170.000.000 đồng.

- Ông D không yêu cầu tính lãi.

Phương thức thanh toán: Thanh toán ngay một khi bản án hoặc quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền ông D cho ông T, bà H vay là tiền thuộc sở hữu cá nhân của ông D, không liên quan đến vợ ông D là bà Hà Thị C. Khi ông D cho ông T, bà H vay, bà C có biết sự việc này và không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – ông Nguyễn Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – bà Hồng Ngọc Kim H đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T, bà H không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, ông T, bà H cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Diệu D. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông T, bà H.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn – ông Trương Diệu D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án – bà Hà Thị C có văn bản xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – ông Nguyễn Ngọc T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án – bà Hồng Ngọc Kim H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án **chưa** đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các các Điều 280, 466, 468, 469 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trương Diệu D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trương Diệu D khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồng Ngọc Kim H có nghĩa vụ liên đơn trả nợ gốc theo Hợp đồng vay tài sản đã ký kết, xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa cá nhân với cá nhân. Do bị đơn – ông Nguyễn Ngọc T, bà Hồng Ngọc Kim H có đăng ký hộ khẩu tại Quận 8 và trong hợp đồng vay tài sản ông T cũng ký xác nhận địa chỉ tại 1107/176 đường A, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù theo xác minh của Công an Phường B, Quận 8 ngày 29/6/2018 ghi nhận hiện ông T, bà H không thực tế cư ngụ tại địa phương nhưng nguyên đơn

không thể biết được nơi ở khác của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – ông Trương Diệu D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – bà Hà Thị C có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông D, bà C.

Bị đơn – ông Nguyễn Ngọc T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – bà Hồng Ngọc Kim H, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông T, bà H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc T, bà Hồng Ngọc Kim H.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2018 và trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy số tiền ông D cho ông T, bà H vay là tiền riêng của ông D. Tại Hợp đồng vay tiền có số công chứng 04133 ngày 10/6/2016 lập tại Phòng Công chứng Số 2, số 94-96 đường Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã thể hiện việc giao nhận tiền chỉ được thực hiện giữa bên cho vay là ông Trương Diệu D cùng chữ ký xác nhận của bên vay là ông Nguyễn Ngọc T. Sau đó, để đảm bảo cho việc vay tiền, ông T cùng vợ là bà H tiếp tục ký với ông D Hợp đồng cố nhà và Hợp đồng thuê nhà đối với căn nhà số 1107/174 đường A, Phường B, Quận 8, T phố Hồ Chí Minh với thời hạn cùng với thời hạn vay tiền. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu ông T, bà H chịu trách nhiệm liên đới thanh toán nợ gốc đã vay là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải đưa thêm người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Hồng Ngọc Kim H.

Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tiền có số công chứng 04133 ngày 10/6/2016 lập tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh các bên thoả thuận thời hạn vay tiền là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Ông D khởi kiện ngày 12/3/2018, vì vậy vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền có số công chứng 04133 ngày 10/6/2016 lập tại Phòng Công chứng Số 2, số 94-96 đường Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5,

Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Ngọc T ký trước mặt công chứng viên nên đủ cơ sở để xác định ông T có vay của ông D số tiền 170.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 10/6/2016 ông T phải trả dứt nợ cho ông D. Tuy nhiên, ông T không thực hiện đúng thỏa thuận đã ký kết. Vì vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên, Toà án đã nhiều lần triệu tập ông T cùng vợ là bà H nhưng ông T, bà H không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, việc nguyên đơn tự khai nhận, bị đơn có vay số tiền 170.000.000 đồng đã được thể hiện tại Hợp đồng vay tiền có số công chứng 04133 ngày 10/6/2016 lập tại Phòng Công chứng Số 2, Thành phố Hồ Chí Minh và chưa thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn là có lợi cho bị đơn. Đây cũng là quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là $170.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.500.000 \text{ đồng}$.

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên ông Nguyễn Ngọc T, bà Hồng Ngọc Kim H cùng chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn – ông Trương Diệu D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 280, 351, 357, Khoản 2 Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồng Ngọc Kim H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Trương Diệu D số tiền còn nợ theo Hợp đồng vay tiền có số công chứng 04133 ngày 10/6/2016 lập tại Phòng Công chứng Số 2, số 94-96 đường Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Ngọc T, bà Hồng Ngọc Kim H phải cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ông Trương Diệu D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014667 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, T phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và

9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính